

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

**CHÍNH THỨC**

22 - 4 - 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý I Năm 2010**

TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 31/3/2010

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

---

TP Hồ Chí Minh, tháng 04 - 2010

---

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

### **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010***MẪU SỐ B 01a-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
1	2	3	4	5
<b>A-TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>5.509.253.561.315</b>	<b>5.050.274.123.753</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>213.070.106.038</b>	<b>415.417.916.497</b>
1. Tiền	111		213.070.106.038	365.417.916.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.406.904.583.092</b>	<b>2.314.253.566.692</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.492.007.911.792	2.400.760.431.792
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(85.103.328.700)	(86.506.865.100)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>907.025.447.976</b>	<b>753.498.136.776</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	586.873.903.016	535.004.731.296
2. Trả trước cho người bán	132		173.606.424.344	137.378.435.309
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	147.139.956.426	81.757.731.624
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(594.835.810)	(642.761.453)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.711.465.822.091</b>	<b>1.280.773.657.392</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.719.836.742.297	1.287.882.946.842
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(8.370.920.206)	(7.109.289.450)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>270.787.602.118</b>	<b>286.330.846.396</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	35.216.815.253	21.075.063.403
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.974.987.223	37.343.494.342
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	193.569.624.181	226.000.000.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.026.175.461	1.912.288.651

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
1	2	3	4	5
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>3.463.387.917.443</b>	<b>3.379.906.340.869</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>40.304.693</b>	<b>8.822.112.758</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		40.304.693	8.822.112.758
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.427.527.051.927</b>	<b>2.322.962.709.746</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.674.255.842.581	1.652.108.063.492
- Nguyên giá	222		2.984.456.508.905	2.909.678.985.921
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.310.200.666.324)	(1.257.570.922.429)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	100.888.438.424	23.390.560.883
- Nguyên giá	228		152.301.657.797	66.488.859.797
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(51.413.219.373)	(43.098.298.914)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	652.382.770.922	647.464.085.371
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>63.451.544.722</b>	-
- Nguyên giá	241		64.083.656.182	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(632.111.460)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>809.490.153.709</b>	<b>801.180.628.831</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	246.800.000.000	228.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	26.151.955.551	26.151.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	636.111.273.800	652.324.833.440
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.18	(99.573.075.642)	(106.096.160.160)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>162.878.862.392</b>	<b>246.940.889.534</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	115.151.450.703	192.530.909.235
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		46.838.364.449	53.520.933.059
3. Tài sản dài hạn khác	268		889.047.240	889.047.240
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)</b>	<b>270</b>		<b>8.972.641.478.758</b>	<b>8.430.180.464.622</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)***Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VND*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)</b>	<b>300</b>		<b>2.110.447.816.510</b>	<b>1.967.829.451.949</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.862.772.467.111</b>	<b>1.711.593.056.787</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	9.963.436.000	9.963.436.000
2. Phải trả người bán	312	V.21	780.228.963.680	793.260.645.166
3. Người mua trả tiền trước	313		36.328.809.251	28.827.412.385
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	462.137.338.780	399.397.544.377
5. Phải trả người lao động	315		37.822.550.330	28.238.908.609
6. Chi phí phải trả	316	V.23	204.907.927.720	206.997.629.616
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, p/ nộp ngắn hạn khác	319	V.24	224.042.070.489	62.646.543.020
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		107.341.370.861	182.260.937.614
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>247.675.349.399</b>	<b>256.236.395.162</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		111.131.782.393	116.939.763.988
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		92.000.000.000	92.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	9.963.436.000	12.454.295.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	34.580.131.006	34.842.336.174
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)</b>	<b>400</b>	<b>V.27</b>	<b>6.862.193.662.248</b>	<b>6.462.351.012.673</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>6.862.193.662.248</b>	<b>6.462.351.012.673</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.530.721.200.000	3.512.653.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(157.684.000)	(154.222.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.887.231.095.399	1.756.282.910.335
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		335.172.032.269	294.347.876.431
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.109.227.018.580	899.221.447.907
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

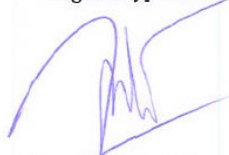
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)</b>	<b>440</b>		<b>8.972.641.478.758</b>	<b>8.430.180.464.622</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		3.506.276,87	3.721.592,43
EUR		411,90	425,61
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liên

Lập ngày 22 tháng 4 năm 2010



Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Dạng đầy đủ)**  
**Quý I năm 2010****MẪU SỐ B02a-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
			Năm nay	Năm trước
1		3	6	7
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>VI.1</b>	<b>3.315.554.811.836</b>	<b>2.113.035.891.556</b>
2. Các khoản giảm trừ	3		54.522.315.111	41.034.747.453
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 – 03 )</b>	<b>10</b>		<b>3.261.032.496.725</b>	<b>2.072.001.144.103</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.2</b>	<b>2.120.911.899.320</b>	<b>1.405.553.926.144</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 – 11 )</b>	<b>20</b>		<b>1.140.120.597.405</b>	<b>666.447.217.959</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	91.073.022.298	80.896.772.008
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.468.711.590	(91.555.952.777)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		476.477.067	1.575.608.189
8. Chi phí bán hàng	24		242.288.024.134	216.890.088.318
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		70.111.967.626	58.224.654.933
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) – (24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>909.324.916.353</b>	<b>563.785.199.493</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	59.321.947.783	20.748.183.524
12. Chi phí khác	32	VI.6	822.892.664	195.844.398
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>58.499.055.119</b>	<b>20.552.339.126</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>967.823.971.472</b>	<b>584.337.538.619</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		144.658.719.609	104.700.448.281
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.682.568.610	(16.798.455.701)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52)</b>	<b>60</b>		<b>816.482.683.253</b>	<b>496.435.546.039</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.7</b>	<b>2.319</b>	<b>1.415</b>

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên

Lập ngày 22 tháng 4 năm 2010



**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý I năm 2010****MẪU SỐ B 03a-DN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>967.823.971.472</b>	<b>584.337.538.619</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02	V.11, V.12	58.965.782.208	49.829.091.337
- Các khoản dự phòng	03		(6.337.180.852)	(106.810.008.493)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(10.544.596.346)	(10.294.963.154)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.220.121.494)	(39.290.269.851)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	476.477.067	1.575.608.189
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>951.164.332.055</b>	<b>479.346.996.648</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(111.315.682.946)	(51.276.154.811)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(434.001.026.286)	433.524.031.386
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		127.938.745.041	(78.417.234.051)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(16.713.999.264)	(1.107.834.652)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(271.500.732)	(2.222.318.986)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.10, V.21	(31.434.115.253)	(44.208.310.115)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		21.272.600.000	82.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(154.989.382.553)	(87.016.997.895)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>351.649.970.061</b>	<b>648.704.677.524</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(175.836.049.107)	(130.910.619.889)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		9.590.524.654	10.476.190
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(90.458.000.000)	(52.004.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.733.743.444	217.968.250.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	134.267.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.454.771.787	12.714.908.574
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(216.515.009.222)</b>	<b>182.045.964.875</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	18.068.200.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32	(3.462.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.490.859.000)	(180.749.359.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(353.056.460.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(337.482.581.000)</b>	<b>(180.749.359.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(202.347.620.161)</b>	<b>650.001.283.399</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>415.417.916.497</b>	<b>329.545.163.667</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(190.298)	11.805.415.497
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>213.070.106.038</b>	<b>991.351.862.563</b>

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liên

Lập ngày 22 tháng 4 năm 2010

Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2010**

*(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993 : Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003 : Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003 : Công ty đăng ký trở thành một Công ty Cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 .
- + Ngày 28/12/2005 : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006 : Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/3/2010,

**+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau**

#### **Các chi nhánh:**

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy - TP Hà Nội
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Lô 42 đường Triệu Nữ Vương nói dài  
Phường Hải Châu 2 - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng .
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình - TP Cần Thơ.

#### **Các nhà máy:**

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức - TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- 5/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 6/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
- 7/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An
- 8/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định
- 9/ Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
- 10/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

### **Xí nghiệp:**

- + Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.
- + Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q. Gia Lâm, Hà Nội

### **Phòng khám:**

- + Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

### **+ Công ty có các Công ty con như sau**

<b>Công ty con</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Phần vốn Công ty nắm giữ</b>
- Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Phát triển bất động sản	100%

## **2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- i. Sản xuất và mua bán bao bì.
- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa.
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt .
- n. Dịch vụ sau thu hoạch .
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Niên độ kế toán**

Kỳ kế toán quý 1 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

+ Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

- + Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- + Chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010.
- + Ban Điều Hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

- + Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn Mực Kế toán, Nguyên Tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- + Báo Cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

+ Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ( không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- Các khoản tiền gửi ngân hàng : Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

**+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :**

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

**+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ thì:**

- Cuối quý, cuối niên độ: đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà Nước tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo VAS 10).

**+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:**

31/12/2009 : 17.941 VNĐ/USD

31/03/2010 : 18.544 VNĐ/USD

### **3. Hàng tồn kho**

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được ( giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối năm, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- + Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

#### **4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

- a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản số định hữu hình, vô hình:

**+ TSCĐ hữu hình:**

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

### + TSCĐ vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

### b. Phương pháp khấu hao:

+ TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

- + Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.
- + TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

### **6. Bất động sản đầu tư**

+ Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

#### **+ Khấu hao**

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

#### **+ Thanh lý**

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:**

- + Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
  - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
  - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

- + Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- + Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau :
  - Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
  - Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
  - Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
  - Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
  - Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

### **10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

- + Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- + Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- + Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn đầu tư của chủ sở hữu).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

---

### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:**

- + Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- + Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.
- + Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
  - Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
  - Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

- + Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán : được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- + Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- + Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh
- + Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- + *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp)*: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- + *Thuế thu nhập hiện hành*: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

+ *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

+ Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt của các nhà máy sản xuất.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	668.092.791	349.838.380
- Tiền gửi ngân hàng	208.846.191.272	364.228.070.141
- Tiền đang chuyển	3.555.821.975	840.007.976
- Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
• <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	-	50.000.000.000
• <i>Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u><u>213.070.106.038</u></u></b>	<b><u><u>415.417.916.497</u></u></b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	151.803.111.792	173.060.231.792
• <i>Cổ phiếu</i>	151.763.111.792	169.820.231.792
• <i>Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu</i>	40.000.000	3.240.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	2.340.204.800.000	2.227.700.200.000
• <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống</i>	2.335.204.800.000	2.227.700.200.000
• <i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u><u>2.492.007.911.792</u></u></b>	<b><u><u>2.400.760.431.792</u></u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(85.103.328.700)	(86.506.865.100)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(85.103.328.700)</u></b>	<b><u>(86.506.865.100)</u></b>

### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	434.102.983.380	395.404.786.535
- Khách hàng nước ngoài	152.770.919.636	139.599.944.761
<b>Cộng</b>	<b><u>586.873.903.016</u></b>	<b><u>535.004.731.296</u></b>

### 5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	108.259.699	51.281.565
- Lãi tiền gửi phải thu	72.027.716.531	56.339.350.383
- Cổ tức, trái tức, và lợi nhuận được chia	14.470.774.086	4.179.971.057
- Cho vay ngắn hạn	-	2.500.000.000
- Thuế nhập khẩu còn được hoàn	16.465.648.048	8.236.379.986
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	39.833.927.569	5.113.567.440
- Phải thu khác	4.233.630.493	5.337.181.193
<b>Cộng</b>	<b><u>147.139.956.426</u></b>	<b><u>81.757.731.624</u></b>

### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(161.572.355)	(209.497.642)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(60.649.321)	(94.574.608)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(53.809.565)	(53.809.565)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(47.113.469)	(61.113.469)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(433.263.455)	(433.263.811)
<b>Cộng</b>	<b><u>(594.835.810)</u></b>	<b><u>(642.761.453)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	307.072.241.269	373.436.700.524
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	804.794.678.413	535.156.391.325
- Công cụ, dụng cụ	11.466.979.396	5.728.217.220
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	140.881.340.086	105.470.821.224
- Thành phẩm	289.722.013.114	248.724.584.464
- Hàng hóa	8.740.561.115	11.409.563.139
- Hàng gửi đi bán	-	7.956.668.946
<b>Cộng</b>	<b><u>1.719.836.742.297</u></b>	<b><u>1.287.882.946.842</u></b>

### 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu	(4.765.430.841)	(4.964.351.701)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.904.584.844)	(1.992.954.147)
- Thành phẩm	(1.621.621.590)	(77.056.174)
- Hàng hóa	(79.282.931)	(74.927.428)
<b>Cộng</b>	<b><u>(8.370.920.206)</u></b>	<b><u>(7.109.289.450)</u></b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.805.249.992	4.850.154.840	1.973.666.986	-	4.681.737.846
- Chi phí quảng cáo	3.359.557.849	12.687.053.114	5.817.177.167	-	10.229.433.796
- Chi phí tư vấn	-	877.155.200	496.088.534	-	381.066.666
- Chi phí CCDC bán hàng	4.186.007.286	3.217.185.882	1.474.284.042	-	5.928.909.126
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	6.225.726.914	5.430.332.349	2.895.162.692	2.392.569.756	6.368.326.815
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.193.868.239	3.004.844.584	3.619.903.665	-	1.578.809.158
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	2.177.012.350	1.136.656.038	1.268.825.489	63.058.192	1.981.784.707
- Chi phí khác	1.127.640.773	7.222.760.336	4.215.534.765	68.119.205	4.066.747.139
<b>Cộng</b>	<b><u>21.075.063.403</u></b>	<b><u>38.426.142.343</u></b>	<b><u>21.760.643.340</u></b>	<b><u>2.523.747.153</u></b>	<b><u>35.216.815.253</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

### 10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm nộp tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp	193.569.624.181	226.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>193.569.624.181</u></b>	<b><u>226.000.000.000</u></b>

\* Vào ngày 14/01/2010 Tổng Cục Thuế đã có Công văn số 148/TCT-PC gửi Cục Thuế TPHCM về việc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004 – 2006. Theo nội dung công văn này được sự chấp thuận của Thủ Tướng Chính Phủ, Tổng Cục Thuế đã hướng dẫn cho phép cộng gộp hai mức ưu đãi : (1) giảm 50% số thuế phải nộp theo luật thuế TNDN và được cộng thêm (2) giảm 50% số thuế TNDN phải nộp do chứng khoán niêm yết lần đầu; tổng hợp chung là doanh nghiệp được miễn thuế trong năm tài chính đó. Căn cứ vào Công Văn này thì Công ty sẽ được miễn thuế trong các năm 2004, 2005, 2006, 2007 cho nên khoản thuế 226 tỷ mà Công ty đã tạm nộp theo Thông Báo ngày 22/05/2008 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh được ghi nhận như là một khoản tạm nộp thuế và thể hiện tại mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước trong Báo cáo tài chính và sẽ được cản trừ dần cho khoản Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp phải nộp cho Cục Thuế TP HCM.

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
+Số đầu năm	506.954.120.014	1.946.611.876.555	342.727.745.043	113.385.244.309	2.909.678.985.921
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	79.287.234	10.267.508.668	1.790.974.758	1.525.925.218	13.663.695.878
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	64.255.334.076	62.580.157.592	1.440.092.726	312.246.425	128.587.830.819
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	62.737.879.531	1.345.776.651	-	-	64.083.656.182
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.371.371.791	18.975.740	3.390.347.531
-Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>+ Số cuối kỳ</b>	<b><u>508.550.861.793</u></b>	<b><u>2.018.113.766.164</u></b>	<b><u>342.587.440.736</u></b>	<b><u>115.204.440.212</u></b>	<b><u>2.984.456.508.905</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
+Số đầu năm	152.935.350.401	917.194.490.016	111.752.484.301	75.688.597.711	1.257.570.922.429
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao trong kỳ	5.829.048.114	39.240.480.964	7.354.384.991	3.569.847.914	55.993.761.983
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
+Giảm trong kỳ					
- <i>Chuyển sang bất động sản đầu tư</i>	398.978.030	22.429.610	-	-	421.407.640
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	2.931.277.715	11.332.733	2.942.610.448
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-
<b>+ Số cuối kỳ</b>	<b>158.365.420.485</b>	<b>956.412.541.370</b>	<b>116.175.591.577</b>	<b>79.247.112.892</b>	<b>1.310.200.666.324</b>
<b>+Giá trị còn lại</b>					
+Số đầu năm	354.018.769.613	1.029.417.386.539	230.975.260.742	37.696.646.598	1.652.108.063.492
<b>+ Số cuối kỳ</b>	<b>350.185.441.308</b>	<b>1.061.701.224.794</b>	<b>226.411.849.159</b>	<b>35.957.327.320</b>	<b>1.674.255.842.581</b>

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Bản quyền, bằng sáng chế</b>	<b>Nhãn hiệu hàng hóa</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
+Số đầu năm	19.899.547.200	-	-	46.589.312.597	66.488.859.797
+Tăng trong kỳ					
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-	307.488.000	307.488.000
- <i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	-	-	-
- <i>Tăng do hợp nhất kinh doanh</i>	-	-	-	-	-
- <i>Tăng khác</i>	85.505.310.000	-	-	-	85.505.310.000
+Giảm trong kỳ					
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-
<b>+ Số cuối kỳ</b>	<b>105.404.857.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.896.800.597</b>	<b>152.301.657.797</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
+Số đầu năm	11.608.069.186	-	-	31.490.229.728	43.098.298.914
+Tăng trong kỳ					
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-	-	2.761.316.405	2.761.316.405
- <i>Tăng khác</i>	5.553.604.054	-	-	-	5.553.604.054
+Giảm trong kỳ					
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-
<b>+ Số cuối kỳ</b>	<b>17.161.673.240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.251.546.133</b>	<b>51.413.219.373</b>
<b>+Giá trị còn lại</b>					
-Số đầu năm	8.291.478.014	-	-	15.099.082.869	23.390.560.883
<b>+ Số cuối kỳ</b>	<b>88.243.183.960</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.645.254.464</b>	<b>100.888.438.424</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**13. Bất động sản đầu tư**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá BĐS đầu tư</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	64.083.656.182	-	64.083.656.182
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>64.083.656.182</b>	<b>-</b>	<b>64.083.656.182</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	632.111.460	-	632.111.460
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>632.111.460</b>	<b>-</b>	<b>632.111.460</b>
<b>III. Giá trị còn lại của BĐS đầu tư</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	63.451.544.722	-	63.451.544.722
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>63.451.544.722</b>	<b>-</b>	<b>63.451.544.722</b>

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
+Số dư đầu năm	647.464.085.371	356.202.256.416
+Tăng trong kỳ	133.506.516.370	64.876.503.718
+Chuyển sang TSCĐ hữu hình	128.587.830.819	30.939.204.505
+Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
+Thanh lý	-	-
+ Giảm khác	-	-
<b>+ Số dư cuối kỳ</b>	<b>652.382.770.922</b>	<b>390.139.555.629</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng như sau :

- Văn phòng công ty	405.642.816.201	77.270.239.214
- NM Sữa Trường Thọ	73.513.871.997	4.117.972.697
- NM Sữa Thống Nhất	31.222.180	355.013.954
- NM Sữa Sài Gòn	51.589.815.939	52.509.150.677
- NM Sữa Cần Thơ	173.435.419	2.605.455.796
- NM Sữa Bình Định	178.033.500	1.524.814.520
- NM Sữa Nghệ An	1.062.554.580	2.314.755.838
- NM Cà Phê Sài Gòn	1.142.381.332	164.699.631.526
- NM Sữa Tiên Sơn	66.255.861.517	5.071.578.615
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	43.015.532.945	36.670.313.505
- XNKV Hà Nội	9.541.518.039	17.545.557.972
- Chi nhánh Hà Nội	-	20.066.666.655
- NM Sữa Đà Nẵng	235.727.273	5.388.404.660
<b>Cộng</b>	<b>652.382.770.922</b>	<b>390.139.555.629</b>

### 15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	157.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	55,00%	55,00%	44.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế	100,00%	100,00%	45.800.000.000
<b>Cộng</b>			<b>246.800.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	9.942.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>26.151.955.551</b>

**17. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu	313.311.273.800	329.524.833.440
- Đầu tư trái phiếu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	122.800.000.000	122.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>636.111.273.800</b>	<b>652.324.833.440</b>

**18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(86.253.795.738)	(96.405.129.045)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(13.319.279.904)	(9.691.031.115)
<b>Cộng</b>	<b>(99.573.075.642)</b>	<b>(106.096.160.160)</b>

**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	
				<u>Số cuối kỳ</u>	
- Tiền thuê đất, Cơ sở hạ tầng	189.432.685.102	-	-	78.055.934.181	111.376.750.921
- Chi phí CCDC bán hàng	2.400.404.384	4.089.021.323	-	3.231.515.884	3.257.909.823
- Chi phí trả trước dài hạn khác	697.819.749	145.233.619	-	326.263.409	516.789.959
<b>Cộng</b>	<b>192.530.909.235</b>	<b>4.234.254.942</b>	<b>-</b>	<b>81.613.713.474</b>	<b>115.151.450.703</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**20. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	9.963.436.000	9.963.436.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.963.436.000</u></b>	<b><u>9.963.436.000</u></b>

**21. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	372.126.615.488	391.128.743.986
- Nhà cung cấp nước ngoài	399.046.022.363	392.921.977.696
- Nhà phân phối	9.056.325.829	9.209.923.484
<b>Cộng</b>	<b><u>780.228.963.680</u></b>	<b><u>793.260.645.166</u></b>

**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.449.727.997	71.753.306.935	78.308.172.907	23.894.862.025
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	21.850.495.521	117.414.176.045	121.130.616.191	18.134.055.375
- Thuế xuất, nhập khẩu	11.474.338.752	45.736.720.733	49.609.929.063	7.601.130.422
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	329.730.705.570	144.658.719.609	63.864.491.072	410.524.934.107
- Thuế thu nhập cá nhân	5.882.946.249	17.255.154.260	21.467.206.024	1.670.894.485
- Thuế tài nguyên	9.330.288	39.911.025	32.436.080	16.805.233
- Tiền thuê đất	-	829.812.497	535.185.997	294.626.500
- Các loại thuế khác	-	1.640.923.412	1.640.923.412	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.470.633	7.440.000	30.633
<b>Cộng</b>	<b><u>399.397.544.377</u></b>	<b><u>399.336.195.149</u></b>	<b><u>336.596.400.746</u></b>	<b><u>462.137.338.780</u></b>

**23. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng	137.415.874.698	143.611.944.115
- Chi phí quảng cáo	30.817.723.977	37.959.007.545
- Chi phí vận chuyển	18.218.022.779	13.592.206.655
- Chi phí điện, nước	1.667.808.573	469.337.200
- Chi phí thuê đất	824.008.439	773.520.853
- Chi phí kiểm toán	1.079.106.705	758.136.704
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	6.399.049.789	2.736.095.442
- Chi phí phải trả khác	8.486.332.760	7.097.381.102
<b>Cộng</b>	<b><u>204.907.927.720</u></b>	<b><u>206.997.629.616</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	213.159.400	70.778.308
- Kinh phí công đoàn	11.292.716	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	203.064.400.000	47.930.560.000
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	2.684.859.155	2.684.859.155
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	8.626.171.067	5.178.025.386
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.442.188.151	6.782.320.171
<b>Cộng</b>	<b><u>224.042.070.489</u></b>	<b><u>62.646.543.020</u></b>

**25. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	9.963.436.000	12.454.295.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.963.436.000</u></b>	<b><u>12.454.295.000</u></b>

***Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn***

- Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	9.963.436.000
- Trên 5 năm	-
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>19.926.872.000</u></b>

**26. Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số dư đầu kỳ	34.842.336.174	35.841.387.500
Trích lập dự phòng	284.663.010	501.643.760
Sử dụng dự phòng	546.868.178	415.641.610
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>34.580.131.006</u></b>	<b><u>35.927.389.650</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**27. Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	6	9
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.752.756.700.000</b>	<b>1.064.948.051.177</b>	-	<b>869.697.027.622</b>	<b>175.275.670.000</b>	<b>804.461.145.827</b>	<b>4.667.138.594.626</b>
- Tăng vốn năm trước	1.759.896.300.000	(1.064.948.051.177)	(154.222.000)	-	-	(691.301.848.823)	3.492.178.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.381.145.272.908	2.381.145.272.908
- Trích lập các quỹ	-	-	-	886.585.882.713	119.072.206.431	(1.243.802.502.005)	(238.144.412.861)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(351.280.620.000)	(351.280.620.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>3.512.653.000.000</b>	-	<b>(154.222.000)</b>	<b>1.756.282.910.335</b>	<b>294.347.876.431</b>	<b>899.221.447.907</b>	<b>6.462.351.012.673</b>
- Tăng vốn trong kỳ	18.068.200.000	-	(3.462.000)	-	-	-	18.064.738.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	816.482.683.253	816.482.683.253
- Trích lập các quỹ	-	-	-	130.948.185.064	40.824.155.838	(253.420.652.580)	(81.648.311.678)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(353.056.460.000)	(353.056.460.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.530.721.200.000</b>	-	<b>(157.684.000)</b>	<b>1.887.231.095.399</b>	<b>335.172.032.269</b>	<b>1.109.227.018.580</b>	<b>6.862.193.662.248</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ(*)</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	1.680.623.291.200	47,60%	1.672.022.828.000	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	1.623.778.679.880	45,99%	1.553.997.687.200	44,24%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	226.319.228.920	6,41%	286.632.484.800	8,16%
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
- Cổ phiếu ngân quỹ	(157.684.000)		(154.222.000)	
<b>Cộng</b>	<b><u>3.530.563.516.000</u></b>		<b><u>3.512.498.778.000</u></b>	

(\*) Theo nguồn Bản tin thị trường chứng khoán ngày 01/4/2010

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.315.554.811.836</b>	<b>2.113.035.891.556</b>
• Doanh thu bán hàng hóa	35.647.040.020	26.953.177.604
• Doanh thu bán thành phẩm	3.271.923.545.613	2.083.767.946.269
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.166.096.749	2.314.767.683
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	818.129.454	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>54.522.315.111</b>	<b>41.034.747.453</b>
• Chiết khấu thương mại	53.140.116.194	36.785.033.790
• Giảm giá hàng bán	-	-
• Hàng bán bị trả lại	1.382.198.917	4.249.713.663
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>3.261.032.496.725</u></b>	<b><u>2.072.001.144.103</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	3.253.048.270.522	2.069.686.376.420
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.984.226.203	2.314.767.683

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa	29.813.911.454	23.037.032.185
- Giá vốn của thành phẩm	2.075.379.531.107	1.379.686.354.412
- Giá vốn của dịch vụ	3.552.856.647	225.784.644
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh BĐS	422.260.012	-
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	1.527.400
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	10.105.974.391	4.455.497.641
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.637.365.709	(1.852.270.138)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.120.911.899.320</u></b>	<b><u>1.405.553.926.144</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	51.304.223.596	5.935.087.561
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.066.589.319	672.456.433
- Lãi trái phiếu	5.813.795.718	147.333.333
- Lãi cho vay	112.499.999	8.286.793
- Cổ tức	321.091.500	965.280.000
- Đầu tư Chứng khoán	895.805.360	-
- Chênh lệch tỷ giá	31.529.157.728	46.927.235.001
- Khác	29.859.078	26.241.092.887
<b>Cộng</b>	<b>91.073.022.298</b>	<b>80.896.772.008</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
- Lãi vay ngân hàng, các tổ chức khác	335.600.142	1.575.608.189
- Lãi ký quỹ	675.975.679	-
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	76.732.970	-
- Chênh lệch tỷ giá	10.612.198.717	17.136.434.043
- Dự phòng giảm giá đầu tư TC ngắn hạn	(1.403.536.400)	5.487.001.200
- Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	(6.523.084.518)	(115.754.996.209)
- Hỗ trợ thanh toán NPP	5.694.825.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.468.711.590</b>	<b>(91.555.952.777)</b>

### 5. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	499.615.563	10.476.190
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	12.743.376.987	7.169.373.958
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	294.083.863	1.216.739.577
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	45.417.700.789	11.874.215.866
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	-	83.721.725
- Thu nhập khác	367.170.581	393.656.208
<b>Cộng</b>	<b>59.321.947.783</b>	<b>20.748.183.524</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

**6. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	447.737.083	-
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	391.674.581	175.141.678
- Thuế bị phạt, bị truy thu	-	242.638
- Chi phí khác	(16.519.000)	20.460.082
<b>Cộng</b>	<b><u>822.892.664</u></b>	<b><u>195.844.398</u></b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	816.482.683.253	496.435.546.039
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	816.482.683.253	496.435.546.039
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	352.012.543	350.900.660
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.319</u></b>	<b><u>1.415</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	351.249.980	175.275.670
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thường phát hành 18/09/09	-	175.624.990
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 07 tháng 01 năm 2010	(317)	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 02 năm 2010	762.880	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>352.012.543</u></b>	<b><u>350.900.660</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.029.548.290.006	1.319.686.385.601
- Chi phí nhân công	110.781.072.914	105.634.798.910
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.755.078.388	49.829.091.337
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.149.821.724	60.425.414.591
- Chi phí khác	176.235.539.977	171.230.425.173
<b>Cộng</b>	<b><u>2.475.469.803.009</u></b>	<b><u>1.706.806.115.612</u></b>

Trong đó bao gồm :

#### Chi phí sản xuất :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.020.411.684.636	1.313.569.009.452
- Chi phí nhân công	59.304.056.690	57.075.289.523
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.456.066.365	36.767.121.610
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.313.516.877	20.915.674.204
- Chi phí khác	3.584.486.681	3.364.277.572
<b>Cộng</b>	<b><u>2.163.069.811.249</u></b>	<b><u>1.431.691.372.361</u></b>

#### Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	29.386.987.919	31.011.334.899
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.804.701.184	4.623.712.347
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	1.783.620.551	5.906.730.924
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.320.003.860	4.053.381.179
- Chi phí bảo hành	2.344.750.675	1.188.800.398
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.514.563.151	23.362.506.757
- Chi phí khác bằng tiền	152.133.396.794	146.743.621.814
<b>Cộng</b>	<b><u>242.288.024.134</u></b>	<b><u>216.890.088.318</u></b>

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	22.090.028.305	17.548.174.488
- Chi phí vật liệu quản lý	1.331.904.186	1.493.663.802
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.100.817.313	1.434.630.018
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.979.008.163	9.008.588.548
- Thuế, phí, lệ phí	559.104.682	758.079.967
- Chi phí dự phòng	(47.925.643)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.321.741.696	16.147.233.630
- Chi phí khác bằng tiền	13.777.288.924	11.834.284.480
<b>Cộng</b>	<b><u>70.111.967.626</u></b>	<b><u>58.224.654.933</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2010

### NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lương	3.618.900.000	5.007.120.769

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành.

#### 2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý I năm 2010		Quý I năm 2009	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.890.392.977.066	425.161.834.770	1.826.523.179.176	286.512.712.380
2. Các khoản giảm trừ	54.522.315.111	-	41.034.747.453	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	2.835.870.661.955	425.161.834.770	1.785.488.431.723	286.512.712.380
4. Giá vốn hàng bán	1.804.688.011.002	316.223.888.318	1.199.456.311.494	206.097.614.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	1.031.182.650.953	108.937.946.452	586.032.120.229	80.415.097.730

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Việt Hùng

Lê Thành Liêm

Mai Kiều Liên

Lập ngày 22 tháng 4 năm 2010

